QUỐC HỘI KHÓA XV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Số: 33 /BC-ĐĐBQH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 15 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO
Giám sát chuyên đề "Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển năng lượng giai đoạn 2016 - 2021" trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Thực hiện Nghị quyết số 23/NQ-UBTVQH15 ngày 04/8/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về chương trình giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội năm 2023; Nghị quyết số 582/NQ-UBTVQH15 ngày 29/8/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Đoàn giám sát chuyên đề *"Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển năng lượng giai đoạn 2016 - 2021"*; Kế hoạch số 355/KH-ĐGS ngày 28/10/2022 của Đoàn giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc giám sát chuyên đề *"Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển năng lượng giai đoạn 2016 - 2021"*. Ngày 16/12/2022, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bình Phước đã ban hành Kế hoạch số 228/KH-ĐĐBQH về giám sát chuyên đề *"Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển năng lượng giai đoạn 2016 - 2021"* trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Sau khi tiến hành giám sát đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bình Phước báo cáo kết quả giám sát như sau:

Phần I
ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH BAN HÀNH CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG GIAI ĐOẠN 2016 - 2021 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC

I. Đánh giá chung

Giai đoạn 2016 - 2021, hoạt động xây dựng pháp luật đối với ngành năng lượng luôn được Đảng, Nhà nước, các bộ, ngành quan tâm, chú trọng thực hiện. Bước đầu đã hình thành được hệ thống chính sách pháp luật đồng bộ, thống nhất và bảo đảm tính khả thi trong vấn đề phát triển năng lượng, giúp ngành năng lượng Việt Nam có những bước phát triển mạnh mẽ, đóng góp thiết thực cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Quy định pháp luật về ngành năng lượng đang từng bước được hoàn thiện, tạo hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và thiết thực hơn, các văn bản quy phạm pháp

luật điều chỉnh các phân ngành năng lượng và các nhóm quan hệ trong từng phân ngành, thể chế hóa chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Quốc hội đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến ngành năng lượng, như Luật Điện lực, Luật Năng lượng nguyên tử, Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, Luật Khoáng sản, Luật Dầu khí... đáp ứng kịp thời yêu cầu của thực tiễn xã hội.

Trên cơ sở chủ trương, chính sách, pháp luật đối với ngành năng lượng của Đảng, Nhà nước, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước đã ban hành kịp thời, đầy đủ, đồng bộ các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về phát triển năng lượng của địa phương; đã tham mưu ban hành các chương trình của Tỉnh ủy để thực hiện chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam, trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua các Nghị quyết về xây dựng lưới điện hạ thế, tham mưu Bộ Công thương phê duyệt Quy hoạch hệ thống điện 110KV (Hợp phần 1) của quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bình Phước giai đoạn 2016 - 2025, có xét đến 2035. Các văn bản thực hiện đúng trình tự, thủ tục và đảm bảo tính thống nhất, phù hợp với các quy định của cơ quan cấp trên.

(Chi tiết tại Phụ lục 1)

II. Tồn tại, hạn chế

Việc ban hành các văn bản quản lý, hướng dẫn tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật quy định trong lĩnh vực năng lượng trên địa bàn tỉnh đã được thực hiện đầy đủ, kịp thời, phù hợp với tình hình địa phương và đồng bộ, thống nhất với các văn bản quy định, hướng dẫn của Chính phủ, Bộ, ngành trung ương. Tuy nhiên, số lượng còn ít do thiếu các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể của các bộ, ngành.

III. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan:

+ Do tỉnh Bình Phước là tỉnh nông nghiệp nên việc đầu tư nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ chủ yếu đề xuất lĩnh vực nông nghiệp.

+ Kinh phí thực hiện Chương trình điện, nông thôn miền núi và Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả trên địa bàn tỉnh Bình Phước quá hạn hẹp, trong khi nguồn kinh phí để chuyển đổi thiết bị, dây chuyền trong sản xuất, công nghệ quá lớn.

- Nguyên nhân chủ quan:

Hiện nay, do không có chính sách cụ thể nên hệ thống mạng lưới về nguồn

điện tái tạo rất khó khăn trong hoạt động. Cụ thể, thời gian qua đã phát sinh thách thức lớn với cơ quan quản lý Nhà nước cũng như các địa phương, do sức hút của các chính sách, năng lượng truyền tải hệ thống điện chưa đáp ứng được với sự đầu tư về nguồn điện điện mặt trời... nên Chính phủ đã tạm dừng lại để điều chỉnh căn cứ, đưa ra những giải pháp cân đối nhu cầu điện năng và năng lực chuyển tải hấp thụ nguồn điện tái tạo.

Phần II

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC

I. Kết quả đạt được

1. Về tình hình đầu tư phát triển, cung cầu và an ninh năng lượng

1.1. Về khả năng cung cấp năng lượng và việc nhập khẩu năng lượng

1.1.1. Đánh giá trữ lượng năng lượng hiện nay của địa phương

Qua giám sát, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bình Phước nhận thấy tỉnh Bình Phước có trữ lượng năng lượng tái tạo (điện mặt trời) và thủy điện đã được khai thác hiệu quả để phục vụ cho việc huy động lập các dự án đầu tư phát triển trong quy hoạch. Năng lượng tái tạo được quan tâm phát triển góp phần bảo tồn tài nguyên năng lượng, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và biến đổi khí hậu trong sản xuất điện. Cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời của Chính phủ đã tạo động lực mạnh mẽ, thu hút các nhà đầu tư tham gia sản xuất điện mặt trời. Đến cuối năm 2020, tổng công suất các nguồn điện từ năng lượng mặt trời của tỉnh đã đạt 1.399,7MWp.

1.1.2. Đánh giá về khả năng cung cấp năng lượng

Khả năng cung cấp năng lượng của tỉnh Bình Phước trong giai đoạn 2016 - 2021 được đảm bảo tốt tuy nhiên phụ tải còn thấp. Từ năm 2016 đến nay, hệ thống điện tỉnh Bình Phước đã luôn đảm bảo đủ công suất cung cấp điện cho tất cả các phụ tải, qua đó đáp ứng tốt nhu cầu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu sinh hoạt của nhân dân. Hiện nay, phụ tải trên địa bàn tỉnh đạt công suất đỉnh (Pmax) là 531MW (tính cả phụ tải 110kV) trong khi đó công suất nguồn tại chỗ là 1.504,56 MW, cụ thể thủy điện 384,8MW, điện mặt trời 1.119,76MW. Riêng mỗi ngày chủ nhật hàng tuần phải cắt giảm công suất 217,63MW điện mặt trời do phụ tải thấp.

Hệ thống truyền tải, phân phối điện có độ phủ rộng. Trên địa bàn tỉnh có đủ hệ thống truyền tải, phân phối với công suất lớn, cụ thể 01 trạm 500KV, công suất

900MW, 02 trạm 220kV công suất 750MW, 11 trạm 110kV với tổng công suất là 752MVA đang vận hành cung cấp điện cho lưới điện phân phối của toàn tỉnh. Hiện nay, đang thi công thêm 01 trạm 220KV Phước Long, công suất 500MW, 01 trạm 110kV Hoa Lư công suất 40 MW; hoàn thiện hồ sơ để khởi công thêm 08 trạm 110KV công suất 504MW. Lưới điện 110KV của tỉnh được liên kết với các tỉnh Bình Dương, Tây Ninh, Đắk Nông thông qua 6 tuyến, cùng với 10 tuyến nội bộ trong tỉnh hình thành nên một mạng lưới cao thế 110kV cung cấp điện cho toàn tỉnh, với tổng chiều dài 768,97km. Ngoài ra, hệ thống điện trung - hạ thế đã tới 100% trung tâm thôn, ấp, số hộ sử dụng điện đạt 99,3% vào năm 2022.

1.1.3. Đánh giá trữ lượng của các dạng năng lượng tái tạo, sản lượng năng lượng sản xuất

Trữ lượng của các dạng năng lượng tái tạo theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 - 2020, có xét đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Phước rất lớn, với 09 dự án điện mặt trời tổng công suất 960MWp (768MW) và đường dây truyền tải 220KV. Cụ thể gồm các dự án Lộc Ninh với công suất 200MWp (160MW), Lộc Ninh 2 công suất 200MWp (160MW), Lộc Ninh 3 công suất 150MWp (120MW), Lộc Ninh 4 công suất 200MWp (160MW), (5) Lộc Ninh 5 công suất 50MWp (40MW), MT1 công suất 30MWp tương đương (24MW), MT2 công suất 30MWp tương đương (24MW), Hải Lý Bình Phước 1 công suất 50 MWp tương đương (40MW) và Lộc Thạnh 1-1 công suất 50MWp tương đương (40MW).

(Chi tiết tại Phụ lục 2)

Bên cạnh đó, việc phát triển hệ thống điện mặt trời áp mái có công suất dưới 1MW trên địa bàn tỉnh cũng đạt được những kết quả tích cực, tính đến 31/12/2020, trên địa bàn Bình Phước đã phát triển và quản lý 3.557 hệ thống điện mặt trời mái nhà, với tổng công suất là 549,7MWp. Trong đó 2.610 khách hàng sinh hoạt với công suất lắp đặt 51,1 MWp và 947 khách hàng ngoài sinh hoạt, công suất lắp đặt 497,5 MWp. Tổng công suất các nguồn điện từ năng lượng mặt trời của tỉnh đã đạt 1.399,7MWp.

1.1.4. Về việc phát triển nguồn năng lượng tự cung, tự cấp đáp ứng yêu cầu về kinh tế bền vững

Việc phát triển nguồn năng lượng tự cung, tự cấp trên địa bàn tỉnh Bình Phước có bước tiến lớn, tập trung chủ yếu vào một bộ phận doanh nghiệp và người dân phát triển điện mặt trời áp mái. Điều này đã tận dụng tốt lợi thế về đặc thù khí hậu của Bình Phước, vốn có thời gian nắng nhiều trong năm, đáp ứng yêu cầu về kinh tế bền vững.

1.1.5. Về cải tiến, nâng cấp hệ thống quan trắc dự báo thời tiết, khí hậu chính xác để phục vụ trong điều độ vận hành và dự báo sản lượng điện năng lượng tái tạo

Việc cải tiến, nâng cấp hệ thống quan trắc dự báo thời tiết biến đổi khí hậu chính xác cũng được tỉnh quan tâm thực hiện. Công cụ hiển thị và truy xuất thông tin dạng WebApp phục vụ truyền tin dự báo thời tiết của tỉnh với tên miền "thoitietbinhphuoc.net" để dự báo, cảnh báo thiên tai được xây dựng đã giúp phục vụ có hiệu quả trong điều độ vận hành sản xuất điện năng lượng tái tạo cũng như dự báo sản lượng.

1.2. Về sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả

Giai đoạn 2016 - 2021, sản lượng điện tiết kiệm được trên địa bàn tỉnh Bình Phước là 281.273.862 kWh, đạt tỷ lệ 2,42% so với tổng sản lượng điện thương phẩm. Đặc biệt, việc đưa vào vận hành các hệ thống điện mặt trời mái nhà, trở thành nguồn phát điện cung cấp điện cho các phụ tải trên cùng phát tuyến trung - hạ thế đã góp phần làm giảm bán kính cung cấp điện (giảm tổn thất truyền tải trên đường dây) cũng như giảm tải cho trạm biến áp phân phối. Năm 2019, khi chưa có hệ thống điện mặt trời thì tổn thất toàn hệ thống điện là 5,68%, cuối năm 2021 khi có hệ thống điện mặt trời thì tổn thất toàn hệ thống điện giảm xuống còn 5,2%, số liệu này cho thấy vai trò rất quan trọng của hệ thống điện năng lượng mặt trời.

1.2.1. Về các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về tiêu hao năng lượng trong các tòa nhà; quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá trong phát triển vật liệu xanh, công trình xanh, công trình sử dụng năng lượng hiệu quả

Bình Phước đã áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về tiêu hao năng lượng, vật liệu xanh, công trình xanh. Các công trình trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh đã được kiểm soát theo hướng khuyến khích các dự án áp dụng các công nghệ mới, giải pháp kiến trúc lựa chọn vật liệu và thiết bị cơ điện nhằm sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả, sử dụng hiệu quả tài nguyên triệt để tiết kiệm năng lượng nguyên liệu, nhiên liệu, từng bước loại bỏ hoàn toàn công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng lạc hậu, tiêu tốn nhiều tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường, hướng tới thúc đẩy phát triển các công trình xanh, vật liệu xanh, các công trình sử dụng năng lượng hiệu quả, với các định mức kinh tế - kỹ thuật phù hợp.

Ngoài ra, trong kết quả thẩm định dự án các công trình đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh của Sở Xây dựng đã sử dụng vật liệu xây không nung theo quy định tại Thông tư số 13/2017/TT-BXD ngày 08/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc Quy định sử dụng vật liệu xây không nung trong các công trình xây dựng.

1.2.2. Về việc bảo đảm yêu cầu sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ môi trường đối với các nhà máy sử dụng năng lượng trọng điểm như sắt, thép, xi măng, thực phẩm, đối với lĩnh vực giao thông, vận tải

Kết quả giám sát của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh cho thấy 30/30 cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm[1] và công trình xây dựng được dùng làm trụ sở, văn phòng làm việc, nhà ở, cơ sở giáo dục, y tế, vui chơi giải trí, thể dục, thể thao, khách sạn, siêu thị, nhà hàng, cửa hàng có tiêu thụ năng lượng tổng cộng trong 1 năm quy đổi ra 500 tấn dầu tương đương (500 TOE) trở lên trên địa bàn tỉnh đã xây dựng và thực hiện các giải pháp sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả như đảm bảo sử dụng đúng công suất và biểu đồ phụ tải, thực hiện kế hoạch sản xuất hợp lý, hạn chế tối đa việc huy động các thiết bị, máy móc có công suất tiêu thụ điện lớn vào giờ cao điểm, hạn chế tối đa các thiết bị điện hoạt động không tải, sử dụng các thiết bị được dán nhãn năng lượng hiệu suất cao.

Bên cạnh đó, Bình Phước cũng có chủ trương quy hoạch, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển hệ thống giao thông công cộng nhằm giảm phát thải khí nhà kính do sử dụng động cơ đốt cháy nhiên liệu xăng, dầu. Đến nay, đã phát triển được các tuyến xe buýt từ thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương đến thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, các tuyến xe buýt các huyện trong tỉnh (như Đồng Xoài - Chơn Thành, Chơn Thành - Bình Long, Bình Long - Lộc Ninh). Điều này đã góp phần nâng cao năng lực giao thông công cộng, giúp giảm lưu lượng phương tiện giao thông cá nhân, giảm tiêu hao nhiên liệu và xả thải ra môi trường, là một điểm tích cực cần phát huy trong quá trình phát triển đô thị và thực hành tiết kiệm năng lượng.

1.2.3. Về việc xây dựng chỉ tiêu tiết kiệm năng lượng của từng tỉnh, thành phố và việc đưa chỉ tiêu này vào chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

Thực hiện Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, các văn bản hướng dẫn của các bộ ngành liên quan, UBND tỉnh Bình Phước đã ban hành Quyết định số 456/QĐ-UBND ngày 07/3/2016 về phê duyệt Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020; Kế hoạch số 147/QĐ-UBND ngày 02/6/2020 của UBND tỉnh về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021 - 2030.

---

[1] Sử dụng năng lượng trọng điểm là các cơ sở có tiêu thụ năng lượng tổng cộng trong 01 năm quy đổi ra một ngàn tấn dầu tương đương (1.000 TOE) trở lên.

Trong công tác triển khai, UBND tỉnh Bình Phước đã giao Sở Công Thương rà soát, tổng hợp các hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của các đơn vị, địa phương. Các hoạt động tuyên truyền đã được chú trọng thực hiện, kết quả đã có 12 chuyên mục "Tiết kiệm năng lượng" trên sóng truyền hình Bình Phước, 05 lễ mít tinh phát động tuyên truyền tiết kiệm năng lượng trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố và khu công nghiệp, 01 hội thảo tuyên truyền tiết kiệm năng lượng được tổ chức, 1.500 tờ rơi tuyên truyền tiết kiệm năng lượng được phát hành. Tỉnh cũng đã hỗ trợ xây dựng 01 mô hình trình diễn về sử dụng khí sinh học (biogas) chạy máy phát điện trong hộ chăn nuôi, hỗ trợ 07 trang trại chăn nuôi gia súc ứng dụng máy móc thiết bị sử dụng khí sinh học (biogas) để chạy máy phát điện, hỗ trợ đầu tư thay thế nồi hơi/lò sấy tiết kiệm năng lượng đạt chuẩn về hiệu suất năng lượng cho 06 doanh nghiệp cũng như thực hiện tư vấn kiểm toán năng lượng cho 04 doanh nghiệp.

UBND tỉnh Bình Phước cũng đã giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện nhiều biện pháp về sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ môi trường như hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất công nghiệp đổi mới quy trình, công nghệ theo hướng sản xuất sạch hơn, thân thiện với môi trường, chuyển đổi sử dụng lò hơi đốt bằng than, củi sang sử dụng lò hơi sử dụng nhiên liệu đốt là biomass hoặc nhiên liệu ít phát thải, tái sử dụng các chất thải như: mùn cưa, gỗ vụn, vỏ hạt điều sau khi ép dầu... làm nhiên liệu đốt, hướng dẫn chủ đầu tư trang trại tận dụng khí gas thu hồi từ hầm biogas để chạy máy phát điện, tổ chức tuyên truyền, vận động người dân dần thay đổi, chuyển sang sử dụng xăng sinh học thay thế xăng dầu truyền thống để giảm ô nhiễm môi trường cũng như tiết kiệm tài nguyên không tái tạo. Tinh thần tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng hiệu quả đã lan tỏa trong trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

1.2.4. Về việc chỉ đạo thực hiện hiệu quả Chương trình quốc gia về quản lý nhu cầu điện giai đoạn 2018 - 2020, có xét đến năm 2030 và Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 - 2030 trên địa bàn tỉnh, thành phố

Tỉnh Bình Phước cũng đã tham mưu, ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện các chương trình quốc gia, với Quyết định số 456/QĐ-UBND ngày 07/3/2016 của UBND tỉnh về Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2016 - 2020; Kế hoạch số 147/KH-UBND ngày 02/6/2020 của UBND tỉnh về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020 - 2030 để cụ thể hóa Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Thủ tướng Chính phủ tại

Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 25/11/2015 và Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 - 2030 của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13/3/2019; tham mưu xây dựng Chương trình số 05-CTr/TU ngày 18/12/2020 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 để cụ thể Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị; ban hành Kế hoạch số 117/KH-UBND ngày 06/4/2021 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình số 05-CTr/TU ngày 18/12/2020 của Tỉnh ủy.

1.3. Về xử lý các dự án năng lượng chậm tiến độ, gặp khó khăn, vướng mắc

Quá trình giám sát cho thấy, một trong những khó khăn mà tỉnh gặp phải trong việc xử lý các dự án năng lượng chậm tiến độ, gặp khó khăn, vướng mắc đó là hiện nay chưa có văn bản pháp luật quy định về xử lý việc các tập đoàn/công ty nhà nước được giao nhiệm vụ triển khai thực hiện quy hoạch điện nhưng chậm trễ hoặc không triển khai đầu tư. Cần ban hành kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh nội dung trên.

2. Về nội dung phát triển năng lượng trong quy hoạch tỉnh, thành phố

2.1. Nội dung phát triển điện

2.1.1. Tổng quan

Qua công tác giám sát, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bình Phước nhận thấy tình hình triển khai thực hiện các dự án phát triển nguồn điện, lưới điện theo quy hoạch và quy hoạch điều chỉnh đã phê duyệt tương đối tốt, bám sát quy hoạch, theo đúng phân cấp, kết quả thực hiện đã gia tăng các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới. Quá trình triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh, ngành điện và các cơ quan liên quan của địa phương luôn quan tâm bám sát phụ tải điện, các mục tiêu và giải pháp, nhiệm vụ theo quy hoạch đã đề ra.

Việc triển khai thi công đường dây và trạm biến áp 220kV có trong quy hoạch được duyệt do Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia thực hiện. Trong giai đoạn này, Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia đã thi công hoàn thành đưa vào sử dụng 123,83km đường dây 220kV đạt 99,86% so với quy hoạch và 500 MVA dung lượng trạm biến áp đạt 100% so với quy hoạch. Việc triển khai thi công đường dây và trạm biến áp 110kV phục vụ cho phụ tải có trong quy hoạch được duyệt do Tổng công ty Điện lực miền Nam thực hiện. Đến cuối năm 2021, Tổng công ty Điện lực miền Nam đã thi công hoàn thành đưa vào sử dụng 285,4km đường dây 110kV đạt 80,46% so với quy hoạch (do chưa thi công đường dây xi măng Minh Tâm; xi măng An Phú; KCN Sikico; lộ ra 110kV từ trạm 220kV Chơn Thành, nhánh rẽ đấu nối trạm 110kV

Nha Bích; nhánh rẽ đấu nối trạm 110kV Phú Riềng; nhánh rẽ đấu nối trạm 110kV Đồng Xoài 2; đường dây trạm 110kv Bù Đăng - Đức Liễu) và 357 MVA dung lượng trạm biến áp đạt 43,91% so với quy hoạch (do chưa thi công trạm 110kV xi măng Minh Tâm; xi măng An Phú; KCN Sikico; Nha Bích; Phú Riềng; Tân Hưng, Minh Hưng 3; Đồng Xoài 2; Đức Liễu).

Việc đầu tư phát triển lưới điện 220kV, 110kV trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2021 đã tác động rất lớn và thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong thời gian qua. Các hạng mục công trình đầu tư xây dựng từ năm 2016 đến nay được triển khai cơ bản đáp ứng đủ điện cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Phước. Qua số liệu tổng kết về tình hình thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bình Phước quy hoạch giai đoạn 2016 - 2021 (Quy hoạch đã được Bộ Công Thương phê duyệt tại Quyết định số 886/QĐ-BCT ngày 17/3/2017) cho thấy việc đầu tư phát triển lưới điện và trạm 110kV của Tổng công ty Điện lực miền Nam trên địa bàn tỉnh chưa đạt yêu cầu theo quy hoạch, do phụ tải các khu công nghiệp còn quá thấp, cũng như khó khăn trong giải phóng mặt bằng nhưng đáp ứng việc truyền tải, giải phóng hết công suất cho các nhà máy điện, đặc biệt là thủy điện, điện mặt trời của Bình Phước.

2.1.2. Kết quả cụ thể trong việc thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 - 2020, có xét đến năm 2030

Việc thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 - 2020, có xét đến năm 2030 đã triển khai nhiều dự án trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Kết quả cụ thể đã có 05 dự án điện mặt trời nối lưới có tổng công suất 800MWp tương đương 640MW, tổng diện tích 1.029,59 ha. Cụ thể Lộc Ninh 1- 200MWp tương đương 160MW, 340 ha (trong đó khoảng 240 ha cho nhà máy điện năng lượng mặt trời Lộc Ninh 1 và khoảng 100 ha cho đường dây truyền tải từ các nhà máy điện mặt trời Lộc Ninh đến trạm 220KV Bình Long), Lộc Ninh 2 -200MWp tương đương 160MW, khoảng 240 ha, Lộc Ninh 3-150MWp tương đương 120MW, 149,59 ha, Lộc Ninh 4-200MWp tương đương 160MW, khoảng 240 ha, Lộc Ninh 5-50MWp tương đương 40MW, khoảng 60 ha đã hoàn thành trong năm 2020.

04 dự án điện mặt trời nối lưới có tổng công suất 160MWp tương đương 128MW. Tổng diện tích 191,23ha. Cụ thể: MT1 công suất 30MWp tương đương 24MW, 47,5ha trong đó có 12ha đất đường dây; MT2 công suất 30MWp tương đương 24MW, 26,09 ha; Lộc Thạnh 1-1 công suất 50MWp tương đương 40MW, 57,64 ha; Hải Lý Bình Phước 1 công suất 50 MWp tương đương 40MW, 60ha tạm ngưng triển khai thực hiện, do ngày 11/11/2022, Bộ Công Thương trình Thủ tướng

Chính phủ phê duyệt Đề án Quy hoạch Điện VIII tại Tờ trình số 7194/TTr-BCT nêu rõ "không quy hoạch các dự án điện mặt trời trong phạm vi cả nước đến năm 2030".

Thủy điện Thác Mơ mở rộng 75MW, đường dây và trạm 500kV Chơn Thành công suất 900MVA đã đưa vào vận hành.

2.1.3. Về công tác quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bình Phước

Trong giai đoạn này, để cụ thể hóa Quy hoạch điện VII điều chỉnh trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Bình Phước đã đề nghị Bộ Công Thương thẩm định, phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bình Phước giai đoạn 2016 - 2025, có xét đến năm 2035 tại Quyết định số 886/QĐ-BCT ngày 17/3/2017. Theo đó, không có quy hoạch phát triển điện mặt trời.

Về phụ tải điện (i) công suất cực đại: Pmax = 570 MW; (ii) điện thương phẩm: 2909,1 triệu kWh (trong đó, công nghiệp - xây dựng: 1939 triệu kWh; nông - lâm - thủy sản: 6,3 triệu kWh; thương mại - dịch vụ: 66,9 triệu kWh; quản lý và tiêu dùng dân cư: 805,4 triệu kWh; các hoạt động khác: 91,5 triệu kWh).

Về khối lượng lưới điện xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp: (i) đường dây 220 kV: 124 km và đường dây 110 kV: 354,7 km; (ii) trạm biến áp 220 kV: 500 MVA và trạm biến áp 110 kV: 813 MVA. Nguồn vốn đầu tư trạm 220kV và đường dây 220KV do Tổng Công ty truyền tải quốc gia thực hiện. Nguồn vốn đầu tư trạm 110kV và đường dây 110KV do Tổng Công ty điện lực miền Nam thực hiện. 03 dự án thuỷ điện, công suất 65MW. Ngoài ra, có 02 thủy điện (Thống Nhất - 2,4MW, ĐaM'lo công suất 4 MW) trong Quy hoạch thủy điện nhỏ trên toàn quốc.

Đối với công tác quy hoạch bổ sung sau Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bình Phước trong giai đoạn này, đề nghị Bộ Công Thương thẩm định, phê duyệt Dự án nhà máy điện mặt trời Thác Mơ 50MWp và Thủy điện Long Hà công suất 20,1MW, Đak Kar công suất 12 MW.

Kết quả thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bình Phước:

- Dự án nhà máy điện mặt trời Thác Mơ (50MWp), 48,13ha hoàn thành trước năm 2020.

- Đường dây và trạm 220KV Bình Long 2x250MWA đã hoàn thành.

- Đường dây và trạm 220KV Phước Long -250MVA đang thi công.

- Có 06 dự án thủy điện đang đầu tư và vận hành, với công suất 163,5MW, gồm: 02 dự án đã hoàn thành (Nhà máy Đak Glun 2 - 10 MW, tổng diện tích 57,76 ha đưa vào vận hành năm 2020; Nhà máy Thống Nhất - 2,4MW, tổng diện tích 24,9 ha đưa vào vận hành năm 2021); 03 dự án đang thi công (Nhà máy Thủy điện Đức

Thành công suất 40MW, tổng diện tích 278,64 ha; Đak Kar công suất 12MW, tổng diện tích152ha; ĐaM'lo công suất 4MW, tổng diện tích 149 ha); 01 dự án đang chuẩn bị thủ tục đầu tư (Thủy điện Long Hà công suất 20,1MW, tổng diện tích 205,26ha).

- Về phụ tải điện: (i) công suất cực đại: Pmax = 531 MW, đạt 93,2% so với quy hoạch; (ii) điện thương phẩm: 2739,7triệu kWh, đạt 94,2% (trong đó, công nghiệp - xây dựng: 1649,8triệu kWh, đạt 85,1 %; nông - lâm - thủy sản: 231,38 triệu kWh, đạt 3672,7%; thương mại - dịch vụ: 56,45 triệu kWh, đạt 84,4%; quản lý và tiêu dùng dân cư: 737,23 triệu kWh, đạt 91,5%; các hoạt động khác: 64,91 triệu kWh, đạt 70,9%).

- Về khối lượng lưới điện xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp: (i) đường dây 220 kV: 123,83km/124 km, đạt 99,86 % so với quy hoạch và đường dây 110 kV: 285,4km /354,7km, đạt 80,46 %; (ii) trạm biến áp 220 kV: 500 MVA/500 MVA, đạt 100% và trạm biến áp 110 kV: 357 MVA/813 MVA, đạt 43,91%.

2.2. Nội dung phát triển dầu khí

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Bình Phước có 423 cửa hàng xăng dầu, 05 thương nhân phân phối xăng dầu; 13 doanh nghiệp kinh doanh khí đốt (03 doanh nghiệp chiết nạp) và hơn 500 cửa hàng bán LPG chai. 1 kho xăng dầu với dung tích chứa 500 m^3, 3 kho chứa chiết nạp LPG với dung tích chứa khoảng 250 m^3. Tổng số lượng xăng dầu bán ra thị trường: 300.000m^3/ năm. Trong đó xăng khoảng 105.000m^3/ năm, dầu khoảng 195.000m^3/ năm. Trung bình 01 cửa hàng xăng dầu bán ra thị trường 57 m^3/ tháng; 02 m^3/01 ngày.

Hiện tại, số lượng và sự phân bố cửa hàng xăng dầu trên địa bàn đã đáp ứng tốt nhu cầu phục vụ đời sống nhân dân và hoạt động sản xuất, kinh doanh.

3. Về chuyển dịch năng lượng và bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu

3.1. Đánh giá quá trình chuyển dịch năng lượng

Qua giám sát, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh nhận thấy UBND tỉnh đã quan tâm, chỉ đạo theo hướng khai thác hợp lý nguồn tài nguyên năng lượng sơ cấp cho sản xuất điện từ năng lượng tái tạo, xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm và lâu dài. Kết quả cho thấy từ năm 2016 - 2022, trên địa bàn Bình Phước đã tập trung đầu tư khai thác năng lượng tái tạo chủ yếu là điện mặt trời; các dự án thủy điện cột nước thấp (thủy điện lòng sông) có vùng ngập ít và ở những khu vực không có rừng tự nhiên, không có khu dân cư.

Trong quá trình triển khai, các doanh nghiệp và người dân rất đồng thuận với các chủ trương, chính sách, pháp luật về phát triển năng lượng, chủ động tự đầu tư hệ thống điện mặt trời cũng như sử dụng các thiết bị được dán nhãn năng lượng hiệu suất cao. Tuy nhiên, phần lớn nguồn lực của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh còn hạn hẹp, chưa có điều kiện áp dụng khoa học, kỹ thuật tiên tiến, đổi mới công nghệ sản xuất theo hướng sản xuất sạch hơn, tiết kiệm năng lượng, tái sử dụng hoặc thu hồi năng lượng từ các chất thải phát sinh. Sự tham gia xã hội hóa của các tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực xử lý chất thải, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh còn ít. Trên địa bàn tỉnh hiện chưa có nhà máy xử lý chất thải rắn phát điện được đầu tư xây dựng.

3.2. Đánh giá về tác động của quá trình phát triển năng lượng đến môi trường sinh thái, đa dạng sinh học (cả trên cạn và dưới nước) và tình hình phát thải khí nhà kính

Việc phát triển năng lượng tái tạo đã giúp giảm những tác động xấu của việc sử dụng nhiên liệu hóa thạch đến môi trường sinh thái, cải thiện tình hình phát thải khí nhà kính, giảm mức phát thải của các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp cũng như các hộ gia đình. Trên địa bàn Bình Phước hiện có 947 cơ sở sản xuất, kinh doanh lắp đặt, tích hợp các nguồn năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời với công suất 479,5MWp để sử dụng; sử dụng các thiết bị được dán nhãn năng lượng hiệu suất cao, 2.610 hộ dân lắp đặt hệ thống mặt trời công suất 52,1MWp để sử dụng, phần sử dụng không hết được phát lên lưới. 100% hệ thống điện chiếu sáng công cộng, trụ sở, văn phòng làm việc, nhà ở, cơ sở giáo dục, y tế, vui chơi giải trí, thể dục, thể thao; khách sạn, siêu thị, nhà hàng, cửa hàng sử dụng các thiết bị được dán nhãn năng lượng hiệu suất cao. Sự chuyển dịch năng lượng sang những nguồn thân thiện với môi trường hơn trên địa bàn tỉnh đã giúp bảo vệ môi trường, góp phần giảm nguy cơ gia tăng sự biến đổi khí hậu.

3.3. Việc thực hiện các quy định về đánh giá tác động môi trường, thu gom xử lý các chất thải, tấm pin mặt trời hết hạn sử dụng trong sản xuất năng lượng mặt trời

Các dự án sản xuất, kinh doanh thuộc ngành công nghiệp năng lượng trên địa bàn tỉnh đều thực hiện tốt các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường như lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Kế hoạch bảo vệ môi trường trước khi thực hiện dự án, báo cáo công tác bảo vệ môi trường, báo cáo quản lý chất thải nguy hại; thu gom và xử lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động theo quy định; đối với các dự án năng lượng mặt trời, tấm pin mặt trời hết hạn sử dụng trong sản xuất

năng lượng mặt trời được doanh nghiệp thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý.

Thực tiễn triển khai, UBND tỉnh Bình Phước đã phê duyệt báo cáo Đánh giá tác động môi trường cho 05 dự án điện năng lượng mặt trời (Lộc Ninh 1,2,3,4,5); tham gia góp ý đối với 06 hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt đối với các công trình thủy điện trên địa bàn tỉnh (Các công trình thủy điện trên địa bàn tỉnh đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép và Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước).

3.4. Mức độ tuần hoàn tài nguyên, chất thải, năng lượng của quá trình sản xuất, truyền tải, sử dụng năng lượng

Đối với việc tuần hoàn tài nguyên, chất thải, các hệ thống điện mặt trời mái nhà trên địa bàn tỉnh Bình Phước hiện chưa phát thải ra môi trường nên chưa thực hiện tuần hoàn tài nguyên, chất thải, năng lượng. Một điểm sáng trong việc sử dụng năng lượng tiết kiệm, vận dụng tốt kinh tế tuần hoàn trên địa bàn tỉnh là việc sử dụng nhiệt thải để phát điện trong nhà máy xi măng. Những nỗ lực của chính quyền tỉnh Bình Phước trong phát triển năng lượng mới, năng lượng tái tạo sẽ góp phần thực hiện mục tiêu chung trung hòa carbon của nước ta trong thời gian tới, đáp ứng các cam kết quốc tế.

4. Về khoa học, công nghệ trong phát triển năng lượng

4.1. Cơ chế, chính sách thu hút đầu tư nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường trong phát triển năng lượng

Về tổng thể nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ, UBND tỉnh Bình Phước đã ban hành các Kế hoạch số 299/KH-UBND ngày 17/10/2022 về nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch số 324/KH-UBND ngày 31/10/2022 về hoạt động Sàn giao dịch công nghệ và thiết bị tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022 - 2025 và ban hành Kế hoạch số 1723/SKHCN-QLKHCN ngày 28/10/2022 triển khai, thực hiện Đề án phát triển ứng, dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tại Sở Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2022 - 2025 và tầm nhìn đến 2030. Qua đó, tăng cường các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, kết nối các hoạt động của các cộng đồng khởi nghiệp, kết nối với cổng thông tin khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia, các ngành phần của hệ sinh thái trên môi trường mạng Internet. Tuy nhiên, Bình Phước chưa có những nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 trong phát triển tất cả các phân ngành, lĩnh vực năng lượng trong giai đoạn 2016 - 2021.

Mặc dù tỉnh đã có cơ chế, chính sách thu hút đầu tư nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường trong phát triển năng lượng cũng như hàng năm đều có thông báo đến các đơn vị trong và ngoài tỉnh để đề xuất các nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ trên tất cả các lĩnh vực, tuy nhiên đến nay chưa nhận được đề xuất nhiệm vụ có nội dung liên quan đến nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường trong phát triển năng lượng. Một phần do đặc thù của Bình Phước là một tỉnh nông nghiệp nên việc đầu tư nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ từ trước đến nay chủ yếu tập trung vào lĩnh vực này.

4.2. Về phát triển ngành cơ khí năng lượng

Ngành cơ khí năng lượng của tỉnh Bình Phước chưa phát triển nên tỉnh chưa có trung tâm, công ty thiết kế và chế tạo các thiết bị nhà máy điện, thiết bị năng lượng tái tạo, thiết bị tự động hóa phục vụ quá trình sản xuất, chưa có trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành năng lượng. Điều này cần cải thiện để nâng cao tính tự chủ trong quá trình phát triển năng lượng cũng như phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ trên địa bàn tỉnh.

4.3. Về nghiên cứu, ứng dụng những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 trong phát triển tất cả các phân ngành, lĩnh vực năng lượng

Các thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 bước đầu đã được ứng dụng trong việc phát triển các phân ngành, lĩnh vực năng lượng trên địa bàn tỉnh Bình Phước, như hoạt động sản xuất và truyền tải điện, điều chỉnh hệ thống chiếu sáng công cộng cho tới thanh toán chi phí sử dụng điện... qua đó góp phần nâng cao năng suất và hiệu quả hoạt động của các phân ngành.

Trong hoạt động sản xuất và truyền tải, tất cả các nhà máy thủy điện, điện mặt trời, hệ thống điện truyền tải sử dụng hệ thống điều khiển và giám sát từ xa đã sử dụng hệ thống SCADA. Hệ thống này sẽ ghi nhận, hiển thị, giám sát liên tục toàn bộ các thông số của nhà máy cả phía dòng điện AC và DC. Giám sát và điều khiển các thiết bị đóng cắt. Truyền tải dữ liệu và kết nối điều khiển với Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia, Trung tâm Điều độ Hệ thống điện miền Nam, Điều độ Điện lực Bình Phước. Hiện nay, có 05/11 trạm biến áp truyền tải 110kV vận hành không người trực; sử dụng công hệ hotline trong sửa chữa, vận hành lưới điện góp phần giảm thời gian thao tác thiết bị, tăng năng suất lao động, nâng cao độ tin cậy, an toàn và ổn định trong cung cấp điện, từng bước hiện thực hóa mục tiêu xây dựng lưới điện thông minh tại Việt Nam nói chung và lưới điện tỉnh Bình Phước nói riêng. Các nhà máy thủy điện tự động thu thập dữ liệu thủy văn, cảnh báo lũ, cảnh báo xả nước

điều tiết hồ chứa, quản lý tình hình sản xuất và phục vụ dự báo, giám sát, kiểm tra, điều hành. Tất cả hệ thống điện chiếu sáng công cộng sử dụng điều khiển tự động.

Công ty Điện lực Bình Phước liên kết với các ngân hàng, tổ chức thanh toán trung gian, xây dựng hệ sinh thái tạo tiện ích cho khách hàng khi thanh toán tiền điện qua đa kênh; ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác ghi chỉ số, tính toán hoá đơn cho khách hàng; công tác chuyển đổi số áp dụng vào công tác đầu tư xây dựng như quy định về việc triển khai nhật ký thi công điện tử và biên bản nghiệm thu điện tử trên phần mềm IMIS 2.0, quy trình quản lý chất lượng lưới điện truyền tải, phân phối.

Bên cạnh đó, tỉnh cũng đã giao Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức triển khai thực hiện dự án thử nghiệm các tấm pin năng lượng mặt trời ứng dụng công nghệ mới tại các đồn biên phòng trên địa bàn tỉnh Bình Phước[2]. Mục tiêu của dự án là ứng dụng công nghệ pin mặt trời Half-cell tiên tiến trên địa bàn tỉnh Bình Phước với việc lắp đặt, thử nghiệm 05 tấm pin mặt trời thông dụng, sử dụng công nghệ Half-cell tại 05 đồn biên phòng trên địa bàn tỉnh Bình Phước, công suất 10kWp/đồng, sử dụng hệ thống điện mặt trời độc lập. Qua đó xác định hiệu quả các tấm thu năng lượng mặt trời thực tế mang lại trên cơ sở thời tiết khí hậu tỉnh Bình Phước, nhằm xác định tấm thu hiệu quả nhất và nhân rộng mô hình cho những nơi chưa có nguồn điện lưới.

5. Về quản lý nhà nước trong lĩnh vực năng lượng

5.1. Phân công, phân cấp trong quản lý nhà nước

UBND tỉnh Bình Phước đã thực hiện quản lý nhà nước trong lĩnh vực năng lượng theo phân cấp của Chính phủ theo đúng quy định, đồng thời thực hiện phân cấp cho các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về lĩnh vực năng lượng trên địa bàn tỉnh. Cụ thể phân cấp Sở Công Thương quản lý về điện, năng lượng mới; năng lượng tái tạo; sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; dầu khí; Sở Khoa học và Công nghệ đối với các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và phát triển phát triển công nghệ; ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ; an toàn bức xạ và hạt nhân; thẩm định công nghệ; Sở Xây dựng quản lý nhà nước về chiếu sáng đô thị; quản lý khai thác, sử dụng, bảo trì; xây dựng công trình dân dụng; nhà ở, công sở; vật liệu xây dựng; Sở Tài nguyên và Môi trường khai thác, quản lý về đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản, địa chất; môi trường...

Cùng với đó phân cấp cho UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh thực hiện quản lý nhà nước trong lĩnh vực năng lượng. Tại cấp huyện, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, thị xã, thành phố thực hiện chức năng tham

[2] Thời gian thực hiện trong các năm 2020-2021 với kinh phí 2.156.516.000 đồng.

mưu, giúp UBND huyện, thị xã, thành phố quản lý nhà nước về lĩnh vực năng lượng gồm phòng Kinh tế/Kinh tế - Hạ tầng; phòng Tài nguyên và Môi trường; phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Đối với cấp xã, UBND xã, phường, thị trấn thực hiện quản lý nhà nước trong lĩnh vực năng lượng theo phân cấp của UBND huyện, thị xã, thành phố.

Trên địa bàn tỉnh, Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia chịu trách nhiệm đầu tư, quản lý vận hành hệ thống điện từ 220kV-500kV theo quy hoạch được duyệt. Công ty Mua bán điện thuộc EVN chịu trách nhiệm mua, bán điện với các doanh nghiệp đầu tư điện mặt trời nối lưới, mặt đất, mặt nước. Tổng công ty Điện lực miền Nam chịu trách nhiệm đầu tư hệ thống điện 110kV theo quy hoạch được duyệt; mua, bán điện cấp điện áp từ 110kv trở xuống[3]. Công ty Điện lực Bình Phước chịu trách nhiệm quản lý vận hành hệ thống điện 110kV trở xuống, điện mặt trời áp mái, đầu tư hệ thống điện cấp điện áp từ 22kV trở xuống.

5.2. Số lượng, chất lượng, cơ cấu đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước trong lĩnh vực năng lượng ở địa phương

Về đào tạo nhân lực, trong giai đoạn 2016 - 2021, Sở Công Thương tỉnh Bình Phước đã tổ chức tập huấn, sát hạch và cấp chứng chỉ cho 231 kiểm tra viên điện lực; cử công chức tham gia đầy đủ các lớp nâng cao nghiệp vụ chuyên môn. Hàng năm, Công ty Điện lực Bình Phước cử cán bộ tham gia đầy đủ các chương trình, khóa đào tạo được triển khai trong năm về cơ bản đạt được mục tiêu, yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực toàn Tổng công ty Điện lực miền Nam.

Tuy nhiên, một trong những hạn chế trong quản lý nhà nước về lĩnh vực năng lượng của tỉnh là đội ngũ công chức chưa được đào tạo chuyên sâu, chưa có nhiều kinh nghiệm trong quản lý năng lượng, ít được tiếp xúc với các mô hình quản lý năng lượng tiên tiến. Số lượng công chức có chuyên môn về quản lý năng lượng trong cơ quan chuyên môn quản lý năng lượng trên địa bàn tỉnh ít (15 công chức), 08 phòng Kinh tế/Kinh tế - Hạ tầng, phòng Tài nguyên và Môi trường; phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của các huyện, thị xã, thành phố; 05/06 sở chuyên môn thuộc UBND tỉnh không có công chức có chuyên môn về năng lượng.

5.3. Công tác kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm

Công tác kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm cũng đã được các cơ quan của tỉnh chú trọng. Từ ngày 01/10/2016 đến 31/12/2022, thực hiện chức năng quản lý nhà nước, Sở Công Thương tỉnh Bình Phước đã tổ chức 10 cuộc thanh tra, kiểm tra

[3] Trừ phần Công ty Mua bán điện thuộc EVN.

liên quan đến lĩnh vực điện, năng lượng đối với 53 tổ chức, cá nhân[4]. Qua đó, tiến hành xử phạt đối với 12 tổ chức, cá nhân, tổng số tiền phạt 269.000.000 đồng, chuyển hồ sơ sang Sở Xây dựng xử phạt 05 trường hợp.

6. Về cơ chế đầu tư, kinh doanh phát triển thị trường năng lượng cạnh tranh, giá cả thị trường năng lượng, cơ chế dự trữ, dự phòng năng lượng

Theo báo cáo của UBND tỉnh Bình Phước[5], nội dung này Chính phủ, Thủ thướng Chính phủ không phân cấp, giao UBND tỉnh Bình Phước thực hiện nên không có cơ sở báo cáo.

7. Về một số nội dung khác

7.1. Về hợp tác quốc tế

Vấn đề hợp tác quốc tế cũng đã được triển khai và đem lại hiệu quả, góp phần không nhỏ vào việc phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội và an ninh, quốc phòng trên địa bàn tỉnh. Với sự hỗ trợ của Tổng công ty Điện lực miền Nam, Công ty Điện lực Bình Phước đã triển khai Chương trình điện khí hóa nông thôn từ các nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng quốc tế như Ngân hàng Thế giới (WB), Cơ quan Phát triển Pháp (AFD), Ngân hàng.Tái thiết Đức (KfW).

7.2. Về vấn đề xã hội liên quan đến phát triển năng lượng

7.2.1. Vấn đề năng lượng cho vùng sâu, vùng xa, vùng nghèo, đặc biệt khó khăn, đối tượng chính sách

Do đặc thù về địa lý Bình Phước là một tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa với nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sống rải rác trên địa bàn rộng, phức tạp, nhiều cụm dân cư nhỏ hình thành nên giải quyết cấp điện trên toàn địa bàn tỉnh rất khó khăn.

Hàng năm, Công ty Điện lực Bình Phước cân đối đủ vốn để cải tạo, nâng cấp lưới điện, chống quá tải hệ thống, phục vụ cho các khu công nghiệp, khu vực dịch vụ, lưới điện cho các khu dân cư tập trung thị trấn, thị tứ. Đối với khu vực nông thôn, vùng sâu vùng xa việc đầu tư lưới điện gặp rất nhiều khó khăn do bán kính cấp điện xa, phụ tải thấp gây non tải, tổn thất và suất đầu tư cao thường 30 đến 45 triệu đồng/hộ (thậm trí có nơi hơn 60 triệu đồng/hộ) nên đầu tư sẽ dẫn đến không hiệu quả về kinh tế lẫn kỹ thuật.

Giai đoạn 2020 - 2022, Công ty Điện lực Bình Phước thực hiện đầu tư với quy mô 53,35 km đường dây 110kV; trung thế 241,68 km, hạ thế 282,91 km, dung

---

[4] Năm 2020 do tình hình dịch bệnh nên không thanh, kiểm tra.

[5] Báo cáo số 52/BC-UBND ngày 24/02/2023 của UBND tỉnh Bình Phước về việc thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển năng lượng giai đoạn 2016-2021 trên địa bàn tỉnh.

lượng trạm biến áp 78,67MVA; với giá trị vốn là 337,26 tỷ đồng[6]. Phần còn lại 234 triệu đồng dùng để cải tạo nâng cấp, đầu tư lưới điện hiện hữu, cụm khu dân cư, cấp điện cho nhân dân trên toàn địa bàn tỉnh Bình Phước. Đồng thời, thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về tăng số hộ sử dụng điện, cũng như hoàn thành chỉ tiêu xã nông thôn mới, trong các năm 2021 - 2022, Công ty Điện lực Bình Phước đã đầu tư trên 106,54 tỷ đồng để cấp điện khu vực nông thôn với quy mô 45,21 km đường dây trung thế, 75,57 km hạ thế, tổng công suất 16,06 MVA.

Với khối lượng đầu tư như trên, công tác quản lý ngành đã thực hiện tốt vai trò chính đảm bảo cung cấp điện cho nhu cầu điện phát triển kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân toàn tỉnh, độ tin cậy cung cấp điện và chất lượng điện năng được nâng cao qua đó đóng góp tích cực vào nhiệm vụ đảm bảo an sinh xã hội và an ninh, quốc phòng trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Tỷ lệ số hộ có điện từ 98% năm 2016, đến năm 2021 là 99,2%, năm 2022 là 99,31%, trong đó tỷ lệ số hộ dân nông thôn có điện đạt 94,83% đến nay là 99,13%. Đến cuối năm 2022, số xã đạt tiêu chí số 4 về điện nông thôn mới là 85/90 xã tăng 84 xã so với đầu năm 2014.

7.2.2. Vấn đề đền bù, tái định cư, bảo đảm sinh kế, an sinh xã hội, an ninh, an toàn cho người dân sinh sống ở các khu vực dự án phát triển năng lượng

Kết quả giám sát cho thấy, còn tồn tại một số khó khăn trong việc giải phóng mặt bằng trong quá trình triển khai các dự án năng lượng. Hiện nay, trong quá trình thi công các công trình lưới điện mặc dù các chủ đầu tư đã nhận được sự hỗ trợ, giúp đỡ kịp thời của lãnh đạo tỉnh Bình Phước trong công tác giải phóng mặt bằng nhưng một số hộ chưa đồng thuận với đơn giá đền bù của UBND tỉnh; các đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng còn chưa quyết liệt.

7.3. Về vấn đề quốc phòng, an ninh liên quan đến phát triển năng lượng

Giai đoạn 2016 - 2021, ngành năng lượng của tỉnh Bình Phước đã có những bước phát triển nhanh, tương đối đồng bộ trong tất cả các phân ngành, lĩnh vực; bám sát định hướng và đạt được nhiều kết quả tích cực, cơ bản đảm bảo được an ninh năng lượng trên địa bàn tỉnh góp phần tích cực đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia. Hệ thống điện luôn đảm bảo cung cấp đủ điện an toàn, tin cậy, đưa vào vận hành khối lượng lớn các dự án nguồn và lưới điện. Công tác đưa điện về nông thôn, miền núi được chú trọng góp phần quan trọng trong thực hiện chính sách xóa đói, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, giữ ổn định chính trị, an ninh, chủ quyền biên giới.

[6] Trong đó 103,26 tỷ đồng đầu tư các các công trình 110kV và khai thác lộ ra các trạm 110kV, các phát tuyến trục chính.

II. Tồn tại, hạn chế trong triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển năng lượng

1. Tồn tại, hạn chế

1.1. Về tình hình đầu tư phát triển, cung cầu và an ninh năng lượng

Một trong những tồn tại, hạn chế hiện nay là chưa có quy hoạch tổng thể năng lượng quốc gia và tỉnh. Bên cạnh đó, đối với vấn đề phát triển năng lượng mặt trời, trong dự thảo quy hoạch điện quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (gọi tắt là Quy hoạch Điện VIII), Bộ Công Thương trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đến năm 2030 không quy hoạch điện mặt trời. Trong khi đó, Thủ tướng Chính phủ đồng ý về chủ trương cho bổ sung 4.000MWp điện mặt trời trên địa bàn tỉnh Bình Phước vào Quy hoạch phát triển điện Quốc gia tại Thông báo số 20/TB-VPCP ngày 26/01/2021.

Hiện 04 dự án điện mặt nối lưới có tổng công suất 160MWp tương đương 128MW tạm ngưng triển khai thực hiện, bởi theo Đề án Quy hoạch Điện VIII tại Tờ trình số 7194/TTr-BCT ngày 11/11/2022 do Bộ Công Thương trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nêu rõ *"không quy hoạch các dự án điện mặt trời trong phạm vi cả nước đến năm 2030"*.

1.2. Về nội dung phát triển năng lượng trong quy hoạch tỉnh

Việc phát triển năng lượng trong quy hoạch tỉnh gặp khó khăn do sự thiếu hụt các quy định cụ thể. Như chưa có quy định điều chỉnh cục bộ dự án năng lượng trong quy hoạch phát triển điện lực trong Luật Điện lực và Luật Quy hoạch hiện hành, dẫn đến rất khó khăn trong việc triển khai và bổ sung các công trình điện để đáp ứng nhu cầu sử dụng điện trong tỉnh. Luật Điện lực chưa quy định phân định trách nhiệm đầu tư điện khu vực nông thôn, vùng sâu vùng xa cho mục đích kinh doanh; mục đích phục vụ dân sinh, an ninh, quốc phòng; chưa có văn bản quy phạm pháp luật về các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, trình tự, thủ tục quản lý đầu tư, quản lý chất lượng đối với hệ thống điện điện mặt trời áp mái nhà; trình tự, thủ tục về lập, phê duyệt lựa chọn nhà đầu tư dự án thủy điện theo quy định pháp luật chuyên ngành; hướng dẫn cơ chế đấu thầu/đấu giá phát triển điện mặt trời; các quy định trình tự thủ tục xây dựng kế hoạch vốn đầu tư giữa các tập đoàn/công ty nhà nước được giao nhiệm vụ triển khai thực hiện quy hoạch điện như: Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia, Tổng công ty Điện lực Miền Nam, Công ty Điện lực Bình Phước với cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương; các văn bản quy định pháp luật xử lý tập đoàn/công ty nhà nước được giao nhiệm vụ triển khai thực hiện quy hoạch điện nhưng chậm trễ khai hoặc không triển khai đầu tư; các quy định khuyến khích, hướng dẫn, hỗ trợ

các doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi, áp dụng công nghệ sản xuất sạch hơn, hiện đại, thông minh, sử dụng tiết kiệm năng lượng, tái chế hoặc thu hồi năng lượng từ các chất thải, phụ phẩm nông nghiệp để giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Bên cạnh đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương chưa phân bổ đủ vốn để triển khai Chương trình cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo giai đoạn 2013 - 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

1.3. Về chuyển dịch năng lượng và bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu

Hoạt động chuyển dịch năng lượng và bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và tình trạng nóng lên toàn cầu gặp khó khăn do chưa có quy định chế tài các cơ quan, đơn vị chậm đổi mới công nghệ và nghiên cứu, ứng dụng những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 vào sản xuất, kinh doanh. Dự thảo Quy hoạch Điện VIII do Bộ Công Thương trình Thủ tướng phê duyệt có nhiều thay đổi về công suất nguồn và thời kỳ các dự án điện mặt trời.

1.4. Về khoa học, công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành năng lượng

Đội ngũ cán bộ kỹ thuật chưa được đào tạo chuyên sâu, chưa có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh tiết kiệm năng lượng và quản lý năng lượng, ít được tiếp xúc với các mô hình quản lý năng lượng tiên tiến, đồng thời Bình Phước chưa có chương trình, nội dung đào tạo riêng về lĩnh vực này; chưa có các văn bản quy phạm pháp luật để cụ thể hóa Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 về nhiệm vụ xây dựng các công cụ và giải pháp mới trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả như các công cụ hỗ trợ tài chính về thuế, đất đai, lãi vay, cơ chế bảo lãnh vay vốn cho doanh nghiệp có các dự án về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; cơ sở pháp lý để có thể hình thành và vận hành hiệu quả các quỹ về phát triển năng lượng bền vững, thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo hướng xã hội hóa; khung pháp lý, khuyến khích đẩy mạnh triển khai mô hình dịch vụ năng lượng cũng như các văn bản quy pháp pháp luật để triển khai chủ trương, chính sách của Đảng tại Nghị quyết số 55-NQ/TW về *"cơ chế khuyến khích thu hút vốn ngoài nhà nước đầu tư xây dựng vào hệ thống truyền tải điện quốc gia"*. Đến năm 2022, Luật số 03/2022/QH15[7] cho phép thu hút mọi thành phần kinh tế tham gia hoạt động đầu tư xây dựng lưới điện truyền

[7] Luật số 03/2022/QH15 của Quốc hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự.

tải trên cơ sở bảo đảm quốc phòng, an ninh và theo quy hoạch phát triển điện lực, hoạt động phát điện, phân phối điện, bán buôn điện, bán lẻ điện và tư vấn chuyên ngành điện lực.

1.5. Về quản lý nhà nước trong lĩnh vực năng lượng

Hiện nay, vẫn chưa có quy định chế tài các cơ quan, đơn vị sử dụng năng lượng không báo cáo tình hình sử dụng năng lượng cho cơ quan chuyên môn của tỉnh; chưa có quy định thống kê trong lĩnh vực sử dụng năng lượng; chưa có tổng điều tra thống kê quốc gia/tỉnh trong lĩnh vực sử dụng năng lượng để làm cơ sở dữ liệu (Luật Thống kê không có quy định).

1.6. Về cơ chế đầu tư, kinh doanh phát triển thị trường năng lượng cạnh tranh, giá cả thị trường năng lượng, cơ chế dự trữ, dự phòng năng lượng

Nội dung này, Chính phủ, Thủ thướng Chính phủ không phân cấp, giao UBND tỉnh thực hiện nên không có cơ sở đánh giá.

III. Đánh giá chung về phát triển năng lượng giai đoạn 2016 - 2021 và bài học kinh nghiệm

1. Đánh giá chung về phát triển năng lượng giai đoạn 2016 - 2021

1.1. Kết quả đạt được

Các văn bản quy phạm pháp luật về năng lượng do HĐND tỉnh, UBND tỉnh Bình Phước ban hành thực hiện đúng Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, qua đó cụ thể hoá các chương trình, nghị quyết của Trung ương.

Giai đoạn 2016 - 2021, ngành năng lượng tỉnh Bình Phước đã có những bước phát triển nhanh, tương đối đồng bộ trong tất cả các phân ngành, lĩnh vực, bám sát định hướng và đạt được nhiều kết quả tích cực, cơ bản đảm bảo được an ninh năng lượng trên địa bàn tỉnh góp phần tích cực đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia. Nổi bật là năng lượng tái tạo được quan tâm phát triển góp phần bảo tồn tài nguyên năng lượng, giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường và biến đổi khí hậu trong sản xuất điện. Cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời của Chính phủ đã tạo động lực mạnh mẽ, thu hút các nhà đầu tư tham gia sản xuất điện mặt trời. Đến cuối năm 2020, tổng công suất các nguồn điện từ năng lượng mặt trời của tỉnh đã đạt 1.399,7MWp.

Hệ thống điện luôn đảm bảo cung cấp đủ điện an toàn, tin cậy, đưa vào vận hành khối lượng lớn các dự án nguồn và lưới điện. Công tác đưa điện về nông thôn, miền núi được chú trọng góp phần quan trọng trong thực hiện chính sách xóa đói, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, giữ ổn định chính trị, an ninh, chủ quyền biên

giới. Tỉnh cũng đã giải ngân toàn bộ nguồn vốn do Bộ Kế hoạch - Đầu tư phân bổ cho tỉnh thực hiện Chương trình điện nông thôn, miền núi.

Giảm tỷ lệ điện dùng để phân phối điện (tổn thất điện) từ 5,7% năm 2013 xuống còn 5,2% năm 2021. Tỷ lệ số hộ có điện từ 98% năm 2016, đến năm 2021 là 99,2%, năm 2022 là 99,31%[8]. Hệ thống xăng, dầu trên địa bàn đã đáp ứng tốt nhu cầu phục vụ đời sống nhân dân và hoạt động sản xuất, kinh doanh.

1.2. Tồn tại, hạn chế

Một số tồn tại, hạn chế chủ yếu là chưa có quy hoạch tổng thể năng lượng quốc gia/tỉnh, chưa có tổng điều tra thống kê quốc gia/tỉnh trong lĩnh vực sử dụng năng lượng để làm cơ sở dữ liệu. Đến năm 2021, chưa có cơ chế khuyến khích thu hút vốn ngoài nhà nước đầu tư xây dựng vào hệ thống truyền tải điện quốc gia. Việc đầu tư phát triển lưới điện và trạm 110 kV, điện nông thôn trên địa bàn tỉnh, Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả chưa đạt yêu cầu theo quy hoạch, chương trình được duyệt.

1.3. Nguyên nhân

Bên cạnh sự thiếu hụt các văn bản hướng dẫn, những khó khăn, hạn chế trong việc phát triển năng lượng trên địa bàn tỉnh còn do những yếu tố đặc thù riêng. Do tỉnh Bình Phước là tỉnh nông nghiệp nên việc đầu tư nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ chủ yếu đề xuất lĩnh vực nông nghiệp. Kinh phí thực hiện Chương trình điện, nông thôn miền núi và Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả trên địa bàn tỉnh Bình Phước quá hạn hẹp; nguồn kinh phí để chuyển đổi thiết bị, dây chuyền trong sản xuất, công nghệ quá lớn. Trong khi đó phụ tải các khu công nghiệp còn quá thấp do chưa thi công trạm 110kV xi măng Minh Tâm, xi măng An Phú, Nha Bích, Phú Riềng; Tân Hưng, Minh Hưng 3, Đồng Xoài 2, Đức Liễu... Bên cạnh đó là những khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng.

2. Bài học kinh nghiệm

Thực tiễn quá trình phát triển ngành năng lượng của tỉnh Bình Phước cho thấy, việc kịp thời cụ thể các chủ trương đường lối của Đảng bằng các văn bản quy phạm pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế sẽ được nhân dân ủng hộ, điển hình là Cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời của Chính phủ đã tạo động lực mạnh mẽ, thu hút các nhà đầu tư tham gia sản xuất điện mặt trời. Công tác dự báo, chất lượng quy hoạch, thủ tục hành chính minh bạch, rõ ràng sẽ thúc đẩy nhanh tiến độ dự án.

[8] Trong đó tỷ lệ số hộ dân nông thôn có điện đạt 94,83% đến nay là 99,13%.

Công tác tuyên truyền, vận động kết hợp với thanh tra, kiểm tra để nâng cao nhận thức chấp hành pháp luật của nhân dân trong lĩnh vực năng lượng.

Cùng với đó, việc các cấp có thẩm quyền quan tâm bố trí vốn kịp thời để triển khai quy hoạch, chương trình, kế hoạch và đặc biệt là sự quan tâm, chỉ đạo của lãnh đạo các đơn vị trong việc quản lý lĩnh vực năng lượng rất quan trọng trong quá trình phát triển năng lượng của địa phương.

Phần III

KIẾN NGHỊ, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN VÀ THỰC HIỆN HIỆU QUẢ CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG

1. Giải pháp

1.1. Về hoàn thiện chính sách, pháp luật về phát triển năng lượng

Các chính sách, pháp luật cần phù hợp với thực tiễn, hiệu lực về thời gian của văn bản (nhất là chính sách ưu đãi) phù hợp (không nên quá ngắn); cần có tổng kết, đánh giá hiệu quả của chính sách cũ đã ban hành để điều chỉnh cho phù hợp.

Quá trình giám sát cũng cho thấy, hiện nay chưa có quy định về xử lý việc các tập đoàn/công ty nhà nước được giao nhiệm vụ triển khai thực hiện quy hoạch điện nhưng chậm trễ hoặc không triển khai đầu tư; trình tự, thủ tục quản lý đầu tư, quản lý chất lượng đối với hệ thống điện mặt trời áp mái nhà; trình tự, thủ tục về lập, phê duyệt lựa chọn nhà đầu tư dự án thủy điện theo quy định pháp luật chuyên ngành; hướng dẫn cơ chế đấu thầu/đấu giá phát triển điện mặt trời; quy định trình tự thủ tục xây dựng kế hoạch vốn đầu tư giữa các tập đoàn/công ty nhà nước được giao nhiệm vụ triển khai thực hiện quy hoạch điện như: Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia, Tổng công ty Điện lực miền Nam, Công ty Điện lực Bình Phước với cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương; Quy định chế tài các cơ quan, đơn vị sử dụng năng lượng không báo cáo tình hình sử dụng năng lượng cho cơ quan chuyên môn của tỉnh, chậm đổi mới công nghệ và nghiên cứu, ứng dụng những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 vào sản xuất, kinh doanh...

Đối với Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, tại Điều 32 Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả quy định □*Bộ Công thương chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm hằng năm*", tuy nhiên, thực tế các năm qua do phải tổng hợp, rà soát số lượng rất lớn cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm từ tất cả các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương và các tập đoàn, tổng công ty nhà nước dẫn đến việc ban hành danh sách cơ sở năng lượng trọng điểm

của năm trước thường rơi vào thời điểm quý IV của năm sau, dẫn đến có cơ sở sử dụng năng lượng đạt mức trọng điểm phát sinh mới nhưng do chưa được phê duyệt danh sách nên chưa chịu sự quản lý theo quy định hoặc có cơ sở sử dụng năng lượng không còn đạt mức trọng điểm nhưng vẫn phải thực hiện trách nhiệm của cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm do chưa được đưa ra khỏi danh sách. Ngoài ra, việc quy định ban hành danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm hàng năm dẫn đến có cơ sở sử dụng năng lượng có mức sử dụng năng lượng dao động xung quanh ngưỡng trọng điểm thì sẽ vào, ra danh sách theo các năm, dẫn đến khó khăn cho công tác quản lý và gián đoạn thực hiện trách nhiệm của cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm.

Do đó, đề xuất điều chỉnh, bổ sung chức năng quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại địa phương, cụ thể là giao UBND các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương ban hành danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trên địa bàn ngay từ đầu năm, đồng thời báo cáo, cập nhật trên hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia; đề xuất nghiên cứu, bổ sung quy định giữ ổn định danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm đối với cơ sở sử dụng năng lượng có mức sử dụng năng lượng dao động xung quanh ngưỡng trọng điểm.

Đối với chính sách khuyến khích năng lượng tái tạo, hiện nay chính sách khuyến khích phát triển cho hai nguồn chủ lực trong năng lượng tái tạo là điện mặt trời, điện gió đã hết hiệu lực, do đó cần đưa ra định hướng dài hạn trong giai đoạn tiếp theo.

1.2. Về tổ chức thực hiện

1.2.1. Đối với trung ương

Cần rà soát, đánh giá để điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 cho phù hợp với Quy hoạch phát triển năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Quy hoạch điện VIII); Quy hoạch tỉnh Bình Phước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và cụ thể các quy định của cơ quan cấp trên.

Đề nghị Quốc hội thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ hình thành thị trường năng lượng cạnh tranh, đặc biệt là thị trường điện để thực hiện nghiêm túc các vấn đề đặc biệt quan trọng đã được nêu trong Nghị quyết 55 của Bộ Chính trị, đó là: "Phát triển ổn định và bền vững các ngành điện, than, dầu khí; chống mọi hình

thức độc quyền; tạo ra sự cạnh tranh trong sản xuất, kinh doanh điện, than, dầu khí; minh bạch trong quản lý năng lượng".

1.2.2. Đối với địa phương

Đề nghị UBND tỉnh ban hành cơ chế, chính sách thu hút đầu tư nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường trong phát triển năng lượng. Gắn việc nghiên cứu, ứng dụng với thực tiễn địa phương, đưa việc sử dụng năng lượng mặt trời vào hoạt động sản xuất và chế biến nông sản cũng như cung cấp điện năng cho các hộ dân khu vực vùng sâu, vùng xa, những nơi khó đầu tư hệ thống điện lưới. Nghiên cứu xây dựng các chính sách hỗ trợ chi phí cho các hộ trên trong lắp đặt điện mặt trời.

Tăng cường công tác tuyên truyền, thanh tra, kiểm tra giám sát các đề tài/đề án, thẩm định chuyển giao công nghiệp liên quan đến nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường trong phát triển năng lượng.

Tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách, quy định, kế hoạch sử dụng năng lượng; thẩm định công nghệ; nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực năng lượng; xây dựng cơ sở dữ liệu năng lượng.

Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; môi trường tại địa phương theo quy định của pháp luật.

Đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển hệ thống theo dõi, giám sát thiên tai chuyên dùng; ứng dụng công nghệ chuẩn hóa và hiện đại hệ thống quan trắc, dự báo khí tượng thủy văn, để phục vụ có hiệu quả hơn trong việc vận hành, sản xuất điện năng lượng tái tạo.

Đa dạng hóa công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm bảo vệ môi trường của các cấp, các ngành, đơn vị sản xuất, kinh doanh và cộng đồng trong lĩnh vực năng lượng. Ban hành chương trình đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành năng lượng. Tạo điều kiện cho đội ngũ công chức các cấp tham gia các lớp đào tạo chuyên sâu cũng như tự đào tạo trong lĩnh vực tiết kiệm năng lượng và quản lý năng lượng, tiếp xúc với các mô hình quản lý năng lượng tiên tiến trong nước cũng như thế giới.

Theo dõi phụ tải và tiến độ lắp đầy của các khu công nghiệp, cụm công nghiệp để đầu tư nguồn và lưới điện.

Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 147/KH-UBND ngày 02/6/2020 của UBND tỉnh về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-

2030 và Kế hoạch số 117/KH-UBND ngày 06/4/2021 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình số 05-CTr/TU ngày 18/12/2020 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Kiến nghị

2.1. Đối với Quốc hội

Đề nghị Quốc hội xem xét, cụ thể hóa Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, đặc biệt về nhiệm vụ xây dựng các công cụ và giải pháp mới trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả như: (i) các công cụ hỗ trợ tài chính về thuế, đất đai, lãi vay, cơ chế bảo lãnh vay vốn cho doanh nghiệp có các dự án về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; (ii) cơ sở pháp lý để có thể hình thành và vận hành hiệu quả các quỹ về phát triển năng lượng bền vững, thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo hướng xã hội hóa; (iii) khung pháp lý, khuyến khích đẩy mạnh triển khai mô hình dịch vụ năng lượng. Điều chỉnh danh mục tổng điều tra thống kê quốc gia/tỉnh trong lĩnh vực sử dụng năng lượng vào Luật Thống kê và sớm xem xét sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả không còn phù hợp với giai đoạn phát triển hiện nay. Đồng thời, nghiên cứu luật hóa việc phát triển năng lượng tái tạo, tạo hành lang pháp lý thuận lợi để đẩy mạnh thu hút các nhà đầu tư thuộc thành phần kinh tế tư nhân trong và ngoài nước tham gia đầu tư phát triển năng lượng tái tạo.

2.2. Đối với Chính phủ

- Đề nghị Chính phủ xem xét ban hành quy hoạch phát triển năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Quy hoạch điện VIII); Quy hoạch tỉnh Bình Phước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Quy định điều chỉnh cục bộ dự án trong quy hoạch phát triển điện lực/ năng lượng (Luật Điện lực và Luật Quy hoạch hiện hành không có quy định); Quy định phân định trách nhiệm đầu tư điện khu vực nông thôn, vùng sâu vùng xa cho mục đích kinh doanh; mục đích phục vụ dân sinh, an ninh, quốc phòng. Xây dựng các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường trong phát triển năng lượng; khuyến khích, hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi, áp dụng công nghệ sản xuất sạch hơn, hiện đại, thông minh, sử dụng tiết kiệm năng

lượng, tái chế hoặc thu hồi năng lượng từ các chất thải, phụ phẩm nông nghiệp để giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Quy định cụ thể hóa về *"cơ chế khuyến khích thu hút vốn ngoài nhà nước đầu tư xây dựng vào hệ thống truyền tải điện quốc gia"* trong Luật số 03/2022/QH15 của Quốc hội: Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự.

2.3. Đối với các bộ ngành

- Đối với Bộ Công Thương, đề nghị sớm ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về: (i) tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; (ii) trình tự, thủ tục quản lý đầu tư, quản lý chất lượng đối với hệ thống điện mặt trời áp mái nhà; (iii) trình tự, thủ tục về lập, phê duyệt lựa chọn nhà đầu tư dự án thủy điện theo quy định pháp luật chuyên ngành; (iv) hướng dẫn cơ chế đấu thầu/đấu giá phát triển điện mặt trời; (v) quy định trình tự thủ tục xây dựng kế hoạch vốn đầu tư giữa các Tập đoàn/Công ty Nhà nước được giao nhiệm vụ triển khai thực hiện quy hoạch điện như: Tổng công ty Truyền tải Quốc gia, Tổng công ty Điện lực miền Nam, Công ty Điện lực Bình Phước với cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương; (vi) quy định pháp luật xử lý Tập đoàn/Công ty Nhà nước được giao nhiệm vụ triển khai thực hiện quy hoạch điện nhưng chậm trễ khai hoặc không triển khai đầu tư; (vii) Quy định chế tài các cơ quan, đơn vị sử dụng năng lượng không báo cáo tình hình sử dụng năng lượng cho cơ quan chuyên môn của tỉnh; chậm đổi mới công nghệ và nghiên cứu, ứng dụng những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 vào sản xuất, kinh doanh.

- Bên cạnh đó, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương tiếp tục đề nghị Chính phủ, Thủ tướng cho triển khai Chương trình cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo giai đoạn 2021 - 2030. Bộ Công Thương, Bộ Tài chính sớm có quy định về chính sách tài chính, khung, định mức kinh phí cho từng hạng mục để thực hiện các nhiệm vụ theo Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 - 2030, sớm hoàn thiện hành lang pháp lý, phát triển các công cụ thị trường tiết kiệm năng lượng (Điều 41, Điều 42 Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả) để hỗ trợ các hoạt động của dịch vụ năng lượng; các công cụ tài chính hỗ trợ hoạt động thu xếp vốn đầu tư, chia sẻ lợi nhuận, rủi ro đầu tư, cơ chế huy động vốn; cung cấp vốn và trợ giúp kỹ thuật thông qua dịch vụ tư vấn năng lượng cho các dự án tiết kiệm năng lượng có tính khả thi về tài chính nhưng thiếu vốn ban đầu.

- Đề nghị Bộ Tài chính sớm tham mưu, ban hành hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 - 2030.

Trên đây là báo cáo kết quả giám sát về tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển năng lượng giai đoạn 2016 - 2021 trên địa bàn tỉnh Bình Phước, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bình Phước báo cáo Đoàn Giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội./.

Nơi nhận
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (báo cáo);
- Ủy ban KHCNMT của Quốc hội;
- Tổng Thư ký Quốc hội;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Các vị ĐBQH tỉnh;
- TT.HĐND, UBND, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- VPQH, Vụ PVHĐGS, Vụ KHCNMT;
- LĐVP, các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT.

TM. ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN PHỤ TRÁCH

Điểu Huỳnh Sang

PHỤ LỤC

Phụ lục số 01

Việc ban hành văn bản về năng lượng các giai đoạn 2011 - 2016 và 2016 - 2021

(Kèm theo Báo cáo số 883 /BC-ĐĐBQH ngày 15/3/2023 của Đoàn ĐBQH tỉnh Bình Phước)

STT	Tên văn bản	Cơ quan ban hành	Ngày ban hành	Ghi chú
Giai đoạn 2011 - 2016				
1.	Quyết định số 1153/QĐ-UBND	UBND tỉnh	04/6/2014	Về triển khai Chương trình cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo giai đoạn 2013 - 2020 theo Quyết định số 2081/QĐ-TTg ngày 08/11/2013.
Giai đoạn 2016 - 2021				
2.	Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND	HĐND tỉnh	07/12/2021	Về bãi bỏ Nghị quyết số 26/2002/NQ-HĐND ngày 17/01/2002 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Chủ trương huy động đóng góp của nhân dân để xây dựng lưới điện hạ thế trên địa bàn tỉnh Bình Phước.
3.	Quyết định số 456/QĐ-UBND	UBND tỉnh	07/3/2016	Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2016 - 2020
4.	Quyết định số 3017/QĐ-UBND	UBND tỉnh	23/11/2016	Về bãi bỏ Chỉ thị số 10/2015/CT-UBND về việc tăng cường bảo vệ thực hiện tiết kiệm trong sử dụng điện trên địa bàn tỉnh Bình Phước và Chỉ thị số 07/2015/CT-UBND về việc tăng cường bảo vệ hành lang an toàn lưới điện cao áp trên địa bàn tỉnh Bình Phước.
5.	Quyết định số 16/2017/QĐ-UBND	UBND tỉnh	13/04/2017	Về bãi bỏ Quyết định số 23/2003/QĐ-UBND ngày 19/3/2003 của UBND tỉnh về việc thành lập Hội đồng xử lý vi phạm cung ứng và sử dụng điện tỉnh Bình Phước và Quyết định số 23/2003/QĐ-UBND ngày 19/3/2003 của UBND tỉnh về việc thành lập Hội đồng xử lý vi phạm cung ứng và sử dụng điện tỉnh Bình Phước.

STT	Tên văn bản	Cơ quan ban hành	Ngày ban hành	Ghi chú
6.	Quyết định số 11/2020/QĐ-UNBD	UBND tỉnh	20/4/2020	Về bãi bỏ Quyết định số 49/2005/QĐ-UBND ngày 19/5/2005 của UBND tỉnh ban hành đơn giá xác định giá trị lưới điện hạ áp nông thôn
7.	Kế hoạch số 147/KH-UBND	UBND tỉnh	02/6/2020	Về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2030 để cụ thể hóa Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 25/11/2015 và Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030 của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13/3/2019.
8.	Kế hoạch số 117/KH-UBND	UBND tỉnh	06/4/2021	Về thực hiện Chương trình số 05-CTr/TU ngày 18/12/2020 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 để cụ thể Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị.

Phụ lục 02

Các nhà máy điện mặt trời đã vận hành tại Bình Phước (Giai đoạn 2016-2021)

(Kèm theo Báo cáo số 33/BC-ĐĐBQH ngày 15/3/2023 của Đoàn ĐBQH tỉnh Bình Phước)

Tên nhà máy	Vị trí	Diện tích dự án (Ha)	Thời gian hoàn thành việc đầu tư xây dựng	Chủ đầu tư dự án	Công suất của dự án (MWp)	Tổng mức đầu tư (Tỷ đồng)
Nhà máy điện năng lượng mặt trời Lộc Ninh 1	Xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	226,9	Tháng 12/2020	Công ty Cổ phần năng lượng Lộc Ninh	200	3.664,7
Nhà máy điện năng lượng mặt trời Lộc Ninh 2	Xã Lộc Thạnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	240	Tháng 12/2020	Công ty Cổ phần năng lượng Lộc Ninh 2	200	3.664,5
Nhà máy điện năng lượng mặt trời Lộc Ninh 3	Xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	149,59	Tháng 06/2021	Công ty Cổ phần năng lượng Lộc Ninh 3	150	3.034,3
Nhà máy điện năng lượng mặt trời Lộc Ninh 4	Xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	240	Tháng 12/2020	Công ty Cổ phần năng lượng Lộc Ninh 4	200	4.063,5
Nhà máy điện năng lượng mặt trời Lộc Ninh 5	Xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	50	Tháng 12/2020	Công ty Cổ phần năng lượng Lộc Ninh 5	60	1.178,6
Nhà máy điện mặt trời Thác Mơ	Xã Đức Hạnh, huyện Bù Gia Mập và phường Thác Mơ, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước	57	Tháng 12/2020	Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	50	1.178,6

Phụ lục 03

Các nhà máy thủy điện đã vận hành tại Bình Phước (Giai đoạn 2016-2021)

(Kèm theo Báo cáo số 89/BC-ĐĐBQH ngày 15/3/2023 của Đoàn ĐBQH tỉnh Bình Phước)

Tên dự án	Công suất lắp máy (MW)	Năm phát điện	Diện tích dự án
Thủy điện Thác Mơ mở rộng	75 MW		
Nhà máy Đak Glun 2	10 MW	Năm 2020	57,76 ha
Nhà máy Thống Nhất	2,4 MW	Năm 2021	24,9 ha

Phụ lục 04

Tổng hợp Phụ tải, đường dây và trạm biến áp trên địa bàn Bình Phước giai đoạn 2016-2021

(Kèm theo Báo cáo số 83/BC-ĐĐBQH ngày 15/3/2023 của Đoàn ĐBQH tỉnh Bình Phước)

TT	Hạng mục	Đơn vị	Đến năm 2021			Mức độ hoàn thành (%)
			Theo QH GĐ 2016-2020	Thực hiện đến năm 2020	Thực hiện đến năm 2021	
I	**Phụ tải điện**					
1	Điện thương phẩm	Triệu kWh	2909,1	2500,2	2739,7	94,2
	Nông, lâm nghiệp, thuỷ sản		6,3	134,04	231,38	3672,7
	Công nghiệp, Xây dựng		1939	1542,5	1649,8	85,1
	Thương nghiệp, khách sạn, nhà hàng		66,9	55,98	56,45	84,4
	Quản lý, tiêu dùng		805,4	703,13	737,23	91,5
	Hoạt động khác		91,5	64,56	64,91	70,9
2	Pmax	MW	570	470	531	93,2
II	**Khối lượng lưới điện**					
A	Đường dây					
1	220 kV	km	124	123,83		99,86
2	110 kV	km	354,7	285,2	285,4	80,46
B	Trạm biến áp					
1	220 kV	MVA	500	500		100
2	110 kV	MVA	813	294	357	43,91

Phụ lục 5

Giai đoạn 2013-2020 Công ty Điện lực Bình Phước thực hiện đầu tư

(Kèm theo Báo cáo số 33/BC-ĐĐBQH ngày 15/3/2023 của Đoàn ĐBQH tỉnh Bình Phước)

STT	Năm	Quy mô			Tổng vốn (tỷ đồng)
		ĐD Trung áp (km)	ĐD hạ áp (km)	Dung lượng TBA (MVA)	
1	2013	11,8	42,3	1,8	16,29
2	2014	22,97	23,39	1,22	10,53
3	2015	14,21	38,42	1,25	14,22
4	2016	110,83	148,69	8,12	83,31
5	2017	36,62	60,01	1,56	42,04
6	2018	11,72	26,11	2,85	29,48
7	2019	10,05	36,10	2,35	30
8	2020	21,75	49,26	4,59	40,71
	Tổng cộng	**239,97**	**424,25**	**23,73**	**266,58**

Phụ lục 06

Kết quả thực hiện đầu tư của Công ty Điện lực Bình Phước giai đoạn 2021-2022

(Kèm theo Báo cáo số 33/BC-ĐĐBQH ngày 15/3/2023 của Đoàn ĐBQH tỉnh Bình Phước)

STT	STT	ĐD 110kV (km)	Dung lượng 110kV (kVA)	Trung thế (km)	Hạ thế (km)	Dung lượng (MVA)	Tổng vốn (tỷ đồng)
1	**Năm 2020**	**-**	**-**	**91**	**92**	**20,87**	**115,71**
a	Công trình trọng điểm			50		0,00	49,68
b	Công trình cấp điện phục vụ nhân dân			41	92	20,87	66,02
2	**Năm 2021**	**53,35**	**-**	**110**	**71**	**28,51**	**81,29**
a	Công trình trọng điểm	53,35	0	48	-		28,35
b	Công trình cấp điện phục vụ nhân dân			61	71	28,51	52,94
2	**Năm 2022**		**-**	**40,68**	**119,91**	**29,29**	**140,26**
a	Công trình trọng điểm		0	6,1	1,8		25,23
b	Công trình cấp điện phục vụ nhân dân			34,58	118,11	29,29	115,03